



Hung Yên, ngày 14 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

**Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy triển khai thực hiện đường lối Đổi mới
và thực tiễn Đổi mới tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 - nay
(Bản Tóm tắt)**

**I- KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRONG TRIỂN
KHAİ THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI TỪ NĂM 2011 ĐẾN NAY**

Ngay từ đầu nhiệm kỳ Đại hội, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các khóa kịp thời lãnh đạo tổ chức quán triệt, xây dựng Chương trình hành động, kế hoạch thực hiện kịp thời, nghiêm túc Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XI, XII và XIII của Đảng; các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận và văn bản chỉ đạo của Trung ương. Từ năm 2011 đến nay, công tác thể chế hóa các Nghị quyết, Kế hoạch, chương trình... thể hiện đường lối đổi mới của Trung ương luôn được tỉnh chú trọng, triển khai kịp thời, cụ thể hóa thành chương trình hành động, kế hoạch thực hiện và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

**II- THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN ĐỔI
MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN**

1. Thực trạng phát triển

2. Thực tiễn kết quả thực hiện đường lối Đổi mới trên địa bàn tỉnh

2.1. Phát triển kinh tế

2.1.1. Kinh tế tăng trưởng cao, quy mô nền kinh tế tăng nhanh, đưa tỉnh Hưng Yên thành tỉnh khá trong khu vực và cả nước, cụ thể:

Giai đoạn 2011-2015: Tốc độ tăng GRDP bình quân đạt 7,52%/năm, thấp hơn tốc độ tăng bình quân các giai đoạn trước.

Giai đoạn 2016-2020, Tốc độ tăng GRDP bình quân đạt 8,21%/năm, cao hơn giai đoạn 2011-2015.

Giai đoạn 2021 - 2023: Năm 2021, GRDP của tỉnh tăng 6,02% so với năm 2020, vượt kế hoạch đề ra (*kế hoạch tăng 6%*), Hưng Yên tiếp tục là điểm sáng trong phát triển kinh tế và phòng chống dịch bệnh của cả nước. Năm 2022, tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt cao, tăng 12,84%.

Quy mô của nền kinh tế liên tục gia tăng: Năm 2011, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đạt 37.804 tỷ đồng, đến năm 2022 tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đạt 131.456 tỷ đồng, gấp 3,48 lần năm 2011. Tổng sản phẩm bình quân đầu người có sự tăng trưởng đáng kể, đạt trung

bình 12,9%/năm. Năm 2011 đạt 32,9 triệu đồng, đến năm 2022 đạt 101,84 triệu đồng, tăng gấp 3,1 lần (năm 2011 đạt 32,85 triệu đồng).

2.1.2. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch rõ nét theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục có chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Sau gần 12 năm, tỷ trọng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm mạnh từ 16,97% năm 2011 xuống còn 7,55% năm 2022; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng từ 53,71% năm 2011 tăng lên 63,70% năm 2022; dịch vụ giảm nhẹ từ 29,32% năm 2011 xuống 28,75% năm 2022.

2.1.3. Thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước vào địa bàn tỉnh, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp được triển khai hiệu quả, từng bước hình thành các khu công nghiệp tập trung đem lại hiệu quả kinh tế cao

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 334,4 nghìn tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2011-2015, tỉnh thu hút được 510 dự án, trong đó: trong nước 343 dự án, vốn đầu tư đăng ký 38.712 tỷ đồng và 167 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư đăng ký 1.449 triệu USD.

Giai đoạn 2016-2020, thu hút thêm nhiều dự án có vốn đầu tư lớn, công nghệ tiên tiến; kết quả đã thu hút được: 850 dự án đầu tư mới, tăng 66,67% so với giai đoạn 2011 - 2015.

Giai đoạn 2021 đến nay, trên địa bàn tỉnh thu hút được 226 dự án, trong đó có 154 dự án trong nước, vốn đăng ký là 82.864 tỷ đồng; 72 dự án nước ngoài, vốn đăng ký 811,7 triệu USD, nâng tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đến thời điểm hiện tại lên 2.169 dự án còn hiệu lực (1.642 dự án trong nước, 527 dự án nước ngoài), tổng vốn đăng ký 319.065 tỷ đồng và 6.657 triệu USD.

Đầu tư phát triển khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) được quan tâm và đạt kết quả đáng khích lệ, đặc biệt là phát triển KCN. Đến nay, tỉnh Hưng Yên đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý về chủ trương quy hoạch phát triển 17 KCN (diện tích 4.395,43 ha); trong đó, 11 KCN được chấp thuận Chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, với tổng diện tích 2.873,38 ha; tổng vốn đầu tư đăng ký 14.395 tỷ đồng và 397,7 triệu USD. 08 KCN đã đi vào hoạt động và tiếp nhận dự án đầu tư; 09 KCN đang trong quá trình triển khai¹. Toàn tỉnh có 26 CCN được thành lập với tổng diện tích là 1.256,08 ha, tổng vốn đầu tư đăng ký là 12.408,95 tỷ đồng; có 03 CCN đã khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật với tổng diện tích là 202,34 ha.

Hoạt động hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp tăng nhanh và được triển khai hiệu quả. Đến hết năm 2022, toàn tỉnh có 14.878 doanh nghiệp đăng ký thành lập với số vốn đăng ký đạt 175.586 tỷ đồng.

2.1.4. Sản xuất công nghiệp phát triển và có mức tăng trưởng khá

Từ năm 2011 đến nay, sản xuất công nghiệp trên địa bàn đã có những bước phát triển vượt bậc. Chỉ số sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011-2022 bình quân đạt

¹ Tính đến hết năm 2010, tỉnh quy hoạch 14 KCN, có 5 KCN đi vào hoạt động.

110,31%/năm. Với việc duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm, ngành công nghiệp đang là ngành mũi nhọn và có đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2.1.5. Thương mại, dịch vụ tăng trưởng và từng bước được đa dạng các loại hình

Mạng lưới thương mại, dịch vụ phát triển mạnh cả về số lượng cơ sở và lao động tham gia. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành liên tục tăng. Năm 2011 đạt 16.271 tỷ đồng, đến năm 2023 dự kiến đạt 96.043 tỷ đồng, gấp gần 6 lần so với năm 2011. Giá trị sản xuất thương mại dịch vụ theo giá so sánh từ năm 2011 đến nay bình quân mỗi năm tăng 8,07%.

Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh tăng trưởng nhảy vọt giai đoạn 2011 - 2020 tăng 22,42%/năm. Năm 2010 mới đạt 594,568 triệu USD, năm 2020 tăng lên 4.500 triệu USD; năm 2021 đạt 5.479 triệu USD, năm 2022 đạt 6.645 triệu USD dự kiến năm 2023 đạt 7.000 triệu USD.

2.1.6. Nông nghiệp phát triển, xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực

Cơ cấu cây trồng có sự chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa, hiệu quả kinh tế cao; đã hình thành một số mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với người nông dân, bước đầu ổn định tiêu thụ và nâng cao thu nhập cho nông dân. Toàn tỉnh có 199 sản phẩm chứng nhận OCOP; giá trị sản phẩm trên một ha canh tác năm 2022 đạt 230 triệu đồng.

Những năm qua, Hưng Yên luôn quan tâm xây dựng nông thôn mới, trở thành 1 trong 8 tỉnh đầu tiên trên toàn quốc hoàn thành 100% số xã đạt chuẩn NTM; 10/10 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; tỉnh Hưng Yên là tỉnh thứ 3 toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đến nay, toàn tỉnh có 98 xã được công nhận xã đạt nông thôn mới nâng cao, chiếm tỷ lệ 67,6% số xã; 24 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2.1.7. Thu ngân sách nhà nước tăng nhanh, đảm bảo cân đối ngân sách

Thu ngân sách nhà nước địa phương hằng năm vẫn liên tục tăng với tốc độ cao, luôn đạt và vượt kế hoạch giao hàng năm. Kết quả thu ngân sách nhà nước các năm như sau: Năm 2011 đạt 4.238 tỷ đồng, năm 2022 có sự tăng trưởng vượt trội đạt 51.410 tỷ đồng, gấp 12,1 lần so năm 2011. Từ năm 2017 đến nay, tỉnh Hưng Yên đã tự cân đối thu, chi và là một trong các tỉnh, thành phố tự cân đối ngân sách, có điều tiết một phần về Trung ương.

2.1.8. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông

Hạ tầng giao thông, vận tải được đầu tư, phát triển nhanh, nhất là các tuyến đường trọng điểm và đường giao thông nông thôn. Hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2030; đầu tư cải tạo, nâng cấp nhiều tuyến đường Trung ương, tỉnh, huyện, xã và đường giao thông nông thôn, tiêu biểu như: Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu

Giẽ- Ninh Bình và cầu Hưng Hà; cải tạo, nâng cấp đê tả sông Luộc; cải tạo, nâng cấp đê tả sông Hồng; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Liên tỉnh Hưng Yên - Hà Nội (ĐT.379)....

Hạ tầng điện, năng lượng được đầu tư đồng bộ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và phát triển công nghiệp. Hạ tầng đô thị của tỉnh được phát triển về chiều sâu, hình thành, phát triển nhiều khu đô thị hiện đại, quy mô lớn như Ecopark, Vincom Ocean Park.... Tỷ lệ đô thị hóa đạt 43,4% (năm 2011 đạt 15%).

Hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh được chú trọng đầu tư xây dựng. Phần mềm quản lý văn bản điều hành được triển khai cho 100% các cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tỷ lệ văn bản được gửi, nhận hoàn toàn điện tử trong nội bộ tỉnh đạt trên 98%. Cổng dịch vụ công và một cửa điện tử của tỉnh được triển khai đồng bộ cho 17 sở, ngành, 10 UBND cấp huyện, 161 UBND cấp xã; cổng đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với cổng dịch vụ công Quốc gia. Hạ tầng văn hóa - xã hội được đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo khá đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công cơ bản, đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

2.2. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

2.2.1. Công tác giáo dục đào tạo được đẩy mạnh

Giáo dục và đào tạo Hưng Yên đã không ngừng phát triển và đạt được những thành tựu nổi bật. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 2, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 87,38%; giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ở tất cả các cấp học.

2.2.2. Khoa học và công nghệ gắn với thực tiễn, thiết thực, hiệu quả

Công tác quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ được tăng cường. Giai đoạn từ 2011 đến nay, đã triển khai gần 400 nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở tất cả các lĩnh vực. Đẩy mạnh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

2.2.3. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân được tăng cường

Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở không ngừng được củng cố, đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Số giường bệnh/1 vạn dân đạt 30 giường; số bác sỹ /1 vạn dân đạt: 9 bác sỹ. Duy trì 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, không để dịch bệnh lớn xảy ra, đặc biệt là công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.

2.2.4. Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao tiếp tục phát triển

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá được đặc biệt quan tâm. Hiện nay toàn tỉnh có 1.802 di tích các loại, trong đó có 03 di tích, khu di tích được

Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt; có 175 di tích - cụm di tích xếp hạng cấp quốc gia; 260 di tích - cụm di tích xếp hạng cấp tỉnh; 506 hiện vật, nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai tích cực. Năm 2022, toàn tỉnh đạt 92,2% số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, 89,7% số làng, tổ dân phố văn hóa được công nhận danh hiệu làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa, 92% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

2.2.5. Chính sách xã hội được quan tâm, chăm lo, thực hiện đầy đủ và kịp thời; đời sống Nhân dân tiếp tục được nâng lên rõ rệt

Cùng với đẩy mạnh phát triển kinh tế, tỉnh Hưng Yên quan tâm thực hiện chính sách xã hội, không ngừng cải thiện an sinh xã hội, phúc lợi của người dân gắn với giảm nghèo bền vững. Hiện nay, toàn tỉnh có 26 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hằng năm, đào tạo được 70 nghìn người. Đến nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 68%. Trung bình mỗi năm tạo việc làm cho trên 2 vạn lao động. Cơ cấu lao động chuyển dịch mạnh mẽ từ nông nghiệp, thủy sản sang lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ².

Các chính sách đối với người có công luôn được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Chính sách giảm nghèo được thực hiện đồng bộ; đời sống Nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh: giai đoạn 2011-2015, giảm từ 9,40% năm 2011 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015); năm 2022 còn 1,93% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).

2.3. Đối ngoại và hội nhập quốc tế và bảo vệ môi trường

2.3.1. Công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế được triển khai toàn diện, tập trung thực hiện hiệu quả

Các chủ trương của Đảng về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế được chú trọng. Các Nghị quyết của Trung ương được quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và triển khai, cụ thể hóa kịp thời thành các Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện của tỉnh. Tăng cường xúc tiến kêu gọi, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đến nay, tỉnh Hưng Yên thu hút được tổng số 527 dự án nước ngoài, tổng vốn đăng ký gần 6,66 tỷ USD. Ký kết thỏa thuận, bản ghi nhớ hợp tác đối với các đối tác Hàn Quốc, Nhật Bản...

2.3.2. Quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường ngày càng chặt chẽ và có nhiều chuyển biến tích cực

Trong những năm qua, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất luôn được quan tâm thực hiện có hiệu quả. Công tác thẩm định môi trường được quan tâm; lĩnh vực quản lý khoáng sản; tài nguyên nước được đẩy mạnh. Đã thực hiện giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc xả chất thải của các nguồn thải lớn, nhất là các khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất công nghiệp là điểm nóng về ô nhiễm môi trường.

² Năm 2011: nông nghiệp, thủy sản chiếm 47,36% lao động; công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ 52,64%; năm 2022: nông nghiệp, thủy sản chiếm 17,7%; công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ 82,3% lao động.

Duy trì vận hành các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung, các điểm tập kết, bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh tại các đô thị; các dự án khu đô thị đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; 100% cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh và tuyến huyện đều ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo quy định; 02/4 làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm. Đến hết năm 2022, tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt khoảng 620 tấn/ngày đạt 81%; tỷ lệ xử lý bằng biện pháp chôn lấp chiếm 65,1%; xử lý bằng đốt 25%; xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình làm phân bón vi sinh 9,9%.

2.4. Quốc phòng - an ninh được bảo đảm, giữ vững

Lãnh đạo tổ chức thực hiện toàn diện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng địa phương. Hằng năm, tổ chức giao nhận tân binh thực hiện nghĩa vụ Quân sự, Công an nhân dân, đạt 100% chỉ tiêu cho các đơn vị. Đến nay, đã bố trí công an chính quy tại 147/147 xã, thị trấn, đạt 100% kế hoạch, đảm bảo mỗi xã ít nhất có 05 cán bộ Công an chính quy. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội toàn tỉnh được bảo đảm, giữ vững.

2.5. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được tăng cường, đẩy mạnh

Đảng bộ tỉnh chú trọng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ công tác chính trị, tư tưởng. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện tốt các Chỉ thị, Kết luận của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; triển khai thực hiện tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng chính trị, cập nhật kiến thức cho cán bộ chủ chốt. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã mở được hàng nghìn lớp với hàng vạn lượt cán bộ, học viên được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần quan trọng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ.

Công tác cán bộ được đổi mới, ngày càng chặt chẽ, khoa học, đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, bảo đảm gắn kết chặt chẽ các khâu, các bước trong công tác cán bộ và đúng quy trình quy định. Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành nhiều quy định về công tác cán bộ. Kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, tạo sự đồng bộ, thống nhất cao, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ. Công tác quy hoạch cán bộ được quan tâm bảo đảm quy định; chất lượng cán bộ quy hoạch nâng lên, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ tăng.

Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế bảo đảm theo đúng lộ trình quy định, hoàn thành vượt chỉ tiêu giảm 10% biên chế³. Xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 48-KL/TW

³ Toàn tỉnh giảm 01 đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, 53 phòng và tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, phòng ban cấp huyện; 45 phòng thuộc chỉ cục và tương đương, 65 đơn vị sự nghiệp công lập; 01 ban quản lý dự án thuộc UBND tỉnh, 02 ban quản lý dự án thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; 311 cán bộ lãnh đạo quản lý cấp phó các cấp...; giảm tổng cộng 2.642 biên chế.

ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030.

Quan tâm nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chất lượng đảng viên. Từ năm 2011 đến hết tháng 6/2023, toàn tỉnh kết nạp được 19.158 đảng viên. Thực hiện chủ trương Bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; đến nay, toàn tỉnh thực hiện ở 790/815 thôn, tổ dân phố, đạt tỷ lệ 97%. Chế độ, chính sách đối với cán bộ; công tác bảo vệ chính trị nội bộ gắn với tăng cường rà soát, sàng lọc đảng viên được thực hiện tốt.

Lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai toàn diện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo Điều lệ và quy định của Đảng. Từ 2011 đến nay, cấp ủy các cấp và chi bộ đã kiểm tra 18.801 lượt đảng viên và 11.308 lượt tổ chức đảng (trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra 245 đảng viên và 219 tổ chức đảng); đã thi hành kỷ luật 3.496 đảng viên và 111 tổ chức đảng. Công tác kiểm tra, giám sát được đổi mới mạnh mẽ về nội dung, nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo tinh thần “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo được thực hiện đúng quy định.

Hệ thống dân vận các cấp tiếp tục tăng cường vận động, tuyên truyền đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, nhất là Cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Tăng cường hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh.

III- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI Ở TỈNH HUNG YÊN

1. Đánh giá tổng quát

1.1. Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam hành động; thực hiện đồng thời 02 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1.2. Kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn của khu vực tư nhân và khu vực FDI. Thống nhất và kiên định mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên theo hướng công nghiệp và thương mại, dịch vụ, gắn với đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa; thực hiện có hiệu quả 3 đột phá chiến lược (phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông; phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên và lực lượng lao động có năng lực, trình độ tốt; xây dựng quản lý phát triển theo quy hoạch, chiến lược và đẩy mạnh thu hút đầu tư để sớm đưa Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp mạnh, nông nghiệp hiệu quả cao. Giáo dục, đào tạo, văn hóa, xã hội, ý thức đạt được nhiều thành tựu. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải

thiện rõ rệt; an sinh xã hội được bảo đảm, phúc lợi xã hội được nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo ở mức thấp. Hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới và đang hướng đến xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Hệ thống đô thị hiện đại, sinh thái phát triển nhanh. Tăng cường bảo vệ môi trường, từng bước xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường. Quốc phòng, quân sự địa phương được bảo đảm. An ninh, trật tự xã hội được giữ vững.

1.3. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị tỉnh trong sạch, vững mạnh đạt được nhiều kết quả quan trọng, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên được nâng cao. Kỷ cương, kỷ luật trong đảng bộ được tăng cường; nguyên tắc tổ chức của Đảng được giữ vững, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh. Đoàn kết trong Đảng và hệ thống chính trị được củng cố. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và sức mạnh của hệ thống chính trị trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn đảng và đổi mới phát triển kinh tế - xã hội; khơi dậy khát vọng phát triển quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy dân chủ ở cơ sở; lấy người dân làm trung tâm, mục tiêu phát triển; thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Xây dựng chính quyền trong sạch, liêm chính, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là, Sớm quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, Quốc Hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; tập trung trí tuệ, vận dụng sáng tạo, phù hợp, sớm xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch hành động, xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thể chế hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, quyết liệt và có hiệu quả các giải pháp đã đề ra. Đồng thời trong mọi hoạt động cần tạo ra sự thống nhất cao trong nhận thức và quyết liệt trong hành động, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh.

Hai là, Tổ chức hiệu quả các hoạt động quảng bá xúc tiến để thu hút các chủ đầu tư có năng lực và kinh nghiệm trong xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN, đồng thời quyết liệt chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho các chủ đầu tư, coi đây đòn bẩy quan trọng để kích cầu đầu tư. Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tích cực nghiên cứu đề xuất sáng kiến, chủ trương cơ chế chính sách mới, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn thu hút các dự án có tiềm năng, huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, Tiếp tục cải cách hành chính, chuyển đổi mạnh mẽ sang chính quyền điện tử, chính quyền phục vụ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vững vàng về chính trị tư tưởng, có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ.

Bốn là, Chủ động tiếp xúc, gặp gỡ để nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; giải quyết, khắc phục kịp thời những vướng mắc để hỗ trợ thị trường, doanh nghiệp phát triển. Sẵn sàng và sát cánh cùng cộng đồng doanh nghiệp; sự thành công của doanh nghiệp, nhà đầu tư là sự thành công của tỉnh và là hình thức xúc tiến đầu tư hiệu quả nhất.

Năm là, Coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững. Kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại. Đảm bảo an sinh xã hội, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, nhất là với người nghèo.

IV- MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TIỄN ĐỊA PHƯƠNG VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Về phát triển kinh tế - xã hội

Thứ nhất, Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; hạ tầng công nghiệp, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị hiện đại chưa phát triển đồng bộ; số lượng các dự án, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khá lớn, nhưng chủ yếu quy mô nhỏ và vừa, trình độ công nghệ thấp, trung bình. Quy mô thu hút đầu tư FDI còn nhỏ. Chưa phát triển được một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên.

Thứ hai, Kinh tế đô thị và thương mại, dịch vụ chưa phát triển mạnh. Quy mô nhiều đô thị, khu dân cư mới nhỏ, hạ tầng chưa đồng bộ, hiện đại. Tỷ lệ đô thị hóa còn thấp (khoảng 43,4%). Hạ tầng thương mại chưa phát triển đồng bộ; tỷ trọng thương mại, dịch vụ trong GRDP chưa cao; mức độ đa dạng và chất lượng dịch vụ thấp; dịch vụ thương mại điện tử chưa phát triển; các cơ sở cung cấp dịch vụ có quy mô, năng lực nhỏ.

Thứ ba, Cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì dư địa phát triển nông nghiệp bị thu hẹp do diện tích đất nông nghiệp giảm nhanh để dành cho phát triển đô thị và công nghiệp, trong khi chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao còn chậm.

Thứ tư, Ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải sinh hoạt và công nghiệp vẫn là vấn đề bức xúc, nhất là ô nhiễm làng nghề, ô nhiễm hệ thống sông Bắc Hưng Hải, một lượng nước thải sinh hoạt, sản xuất công nghiệp chưa được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải vào môi trường. Thiếu các cơ sở xử lý rác thải tập trung.

Thứ năm, Lực lượng lao động còn thiếu, nhất là lao động có tay nghề cao; đào tạo, chuyển đổi nghề, nhất là lao động thoát khỏi lĩnh vực nông nghiệp còn bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu tạo việc làm ổn định, bền vững.

Thứ sáu, Thành quả đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội được phân phối, mọi người dân thụ hưởng công bằng. Một bộ phận người dân vẫn sống trong điều kiện nghèo khó về kinh tế, chưa tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (tỷ lệ hộ nghèo 1,93%). Trong khi tỷ lệ bao phủ bảo hiểm khá cao (trên 93% dân số), song

tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội còn khá thấp (41% lực lượng lao động trong độ tuổi) điều này đặt ra vấn đề bảo đảm an sinh xã hội đối với một bộ phận lớn người lao động sau khi hết tuổi lao động. Các thiết chế về y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, đào tạo ở cơ sở đã được quan tâm đầu tư nhưng còn chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu thụ hưởng ngày càng cao của Nhân dân.

Thứ bảy, Tình hình đơn thư, khiếu kiện còn khá nhiều, chủ yếu liên quan đến vấn đề đất đai. An ninh nông thôn tiềm ẩn một số vấn đề phức tạp, nhất là vấn đề thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng. Lực lượng lao động nhập cư lớn tạo ra áp lực lớn không chỉ về hạ tầng kinh tế - xã hội mà cả công tác quản lý trật tự xã hội, nhất là khu vực nông thôn.

2. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Thứ nhất, Vai trò, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên ở cơ sở còn hạn chế. Công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng chưa được cấp ủy, nhất là người đứng đầu ở một số nơi thực sự quan tâm, đạt hiệu quả chưa cao. Một số tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, người đứng đầu còn chưa thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, vi phạm quy định, Điều lệ của Đảng, pháp luật của Nhà nước, buông lỏng lãnh đạo, quản lý, thiếu kiểm tra, giám sát đã bị xử lý kỷ luật. Nhìn chung, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở còn nhiều mặt hạn chế.

Thứ hai, Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước còn mặt hạn chế, chậm được đổi mới, hiệu quả chưa cao. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa thường xuyên chủ động học tập, nghiên cứu, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; chưa nhận thức đầy đủ, nắm chắc nội dung cốt lõi của các chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là Cương lĩnh chính trị, nội hàm chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Thứ ba, Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng ở một số cấp ủy, UBKT hiệu quả chưa cao, chưa kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vi phạm, khuyết điểm của tổ chức đảng và đảng viên. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng tiêu cực ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả còn hạn chế.

Thứ tư, Một số cán bộ, đảng viên, công chức đạo đức yếu kém, năng lực, trình độ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác, không chịu khó rèn luyện, học tập, nâng cao trình độ, tinh thần trách nhiệm chưa cao, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, sợ vi phạm trong thực thi công vụ.

Thứ năm, Mô hình tổ chức đảng trong hệ thống chính trị chậm được hoàn thiện, chưa thống nhất, thiếu tính ổn định ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở địa phương, ví dụ mô hình Trường Ban dân vận kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc cấp tỉnh, huyện, mô hình văn phòng dùng chung,...

Thứ sáu, Việc tiếp tục giảm số lượng các đơn vị công lập, tinh giản biên chế công chức, người hưởng lương từ ngân sách chưa tính đến hết các yếu tố đặc thù thực tế của địa phương, trong khi khối lượng công việc tăng lên, mức độ phức tạp lớn hơn, yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ người dân ngày càng cao. Chưa đánh giá được toàn diện chi phí và hiệu quả của việc tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế gắn với kết quả đổi mới, nâng cao phương thức lãnh đạo, quản lý và ứng dụng công nghệ hiện đại.

Thứ bảy, Phát triển đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong tình hình mới rất khó khăn. Mục tiêu đạt tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hàng năm 3-4% tổng số đảng viên thực sự là thách thức rất lớn đối với các địa phương, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và đổi mới mô hình tổ chức, phương thức sinh hoạt đảng.

Thứ tám, Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng còn chậm, chưa thực sự hiệu quả cao. Các cấp ủy, kể cả Trung ương vẫn còn ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận, song nội dung trùng lặp, thiếu chủ trương, chính sách mới, tạo gánh nặng kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết.

3. Nguyên nhân

- Trong nhiều giai đoạn, nền kinh tế quốc dân có nhiều khó khăn, thách thức, rủi ro và chịu tác động lớn từ những biến động tiêu cực của thị trường, kinh tế thế giới, khu vực khi hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Hệ thống thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách nói chung còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển trong tình hình mới. Thủ tục hành chính còn nhiều, rườm rà, phức tạp; chưa mạnh dạn phân cấp cho địa phương; tư duy lợi ích cục bộ ngành, cơ quan, đơn vị còn lớn.

- Trong thời gian dài, tỉnh tập trung ưu tiên thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chưa chú trọng đến bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa và yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái nên các mục tiêu, nguyên tắc phát triển bền vững chưa bảo đảm. Chưa có chiến lược phát triển, quy hoạch đồng bộ với tầm nhìn dài hạn; năng lực quản trị phát triển địa phương còn hạn chế.

- Môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của tỉnh chậm được cải thiện. Chiến lược huy động vốn đầu tư tư nhân và vốn FDI chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa có chọn lọc để bảo đảm thu hút các dự án đầu tư lớn, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường.

- Chưa ban hành đầy đủ các cơ chế, chính sách giải quyết có hiệu quả các thách thức, mâu thuẫn về xã hội, lao động, việc làm, môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng.

- Huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực đầu tư phát triển còn mặt bất cập, hạn chế, chưa bảo đảm kinh phí đầu tư phát triển các thiết chế văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, đào tạo ở cơ sở tương xứng với đầu tư phát triển kinh tế.

- Thực hành dân chủ ở cơ sở, tính công khai, minh bạch còn hạn chế; có nơi người dân chưa thực sự là chủ thể, là trung tâm, động lực phát triển, quyền lợi của người dân chưa được bảo đảm. Nhận thức, ý thức trách nhiệm của một bộ phận người dân còn hạn chế, nhất là trong thực thi chính sách, pháp luật.

V- MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỜI GIAN TỚI

Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định tầm nhìn, định hướng phát triển đến năm 2030, năm 2037, năm 2045 như sau:

(1) *Đến năm 2030:* Xây dựng Hưng Yên giàu, đẹp, văn minh, có công nghiệp thuộc nhóm phát triển mạnh của cả nước; GRDP bình quân đầu người trong nhóm dẫn đầu cả nước, đạt trên 8.500 USD/người, thu nhập của người dân khu vực nông thôn cao gấp hơn 2 lần so với năm 2020; kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP; có các khu đô thị lớn, nông thôn mới kiểu mẫu; nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, cơ bản trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

(2) *Đến năm 2037, năm 2045:* Trước năm 2037 - 40 năm tái lập tỉnh, Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; năm 2045, Hưng Yên là thành phố thông minh; phát huy đầy đủ những giá trị cốt lõi của văn hóa Phố Hiến xưa; là thành phố giàu đẹp, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa của Trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh xác định mục tiêu: "...phấn đấu xây dựng Hưng Yên thành tỉnh công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiệu quả cao, phát triển nhanh và bền vững".

VI- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Từ thực tiễn của địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên kiến nghị, đề xuất với Đoàn công tác nghiên cứu, tham mưu với Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong xử lý một số vấn đề sau:

(1) Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận và cụ thể hóa, thể chế hóa nội hàm, đặc trưng và bản chất chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện lịch sử hiện nay.

(2) Cần có phương hướng, giải pháp xử lý căn cơ, toàn diện các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo

đảm kỷ cương xã hội.

(3) Nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị văn hóa dân tộc, gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới có vai trò và ý nghĩa rất quan trọng để phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong giai đoạn tới. Xây dựng và phát triển nền văn hóa quốc gia thực sự trở thành nền tảng tinh thần xã hội và là nguồn lực, động lực phát triển đất nước.

(4) Nghiên cứu, hoàn thiện lý luận và cơ chế vận hành, quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là: (1) Hệ thống thể chế, pháp luật hỗ trợ xây dựng, phát triển và vận hành có hiệu quả nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (2) Phân định rõ vai trò, trách nhiệm của nhà nước, thị trường và xã hội; (3) Cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Nhà nước và xã hội, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

(5) Nghiên cứu, lựa chọn và triển khai có hiệu quả mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn hiện nay gắn với tận dụng các cơ hội của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số, đồng thời có cơ chế, chính sách phòng ngừa, hóa giải các thách thức, mâu thuẫn phát sinh, nhất là vấn đề lao động, việc làm, tiền lương, tiền công, đãi ngộ, bất bình đẳng...

(6) Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực gắn với tạo động lực đổi mới sáng tạo, phát triển mới và xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, dám đột phá vì lợi ích chung.

(7) Thể chế hóa, cụ thể hóa nguyên tắc “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” trong lãnh đạo, quản lý phát triển, trong đó đặc biệt là các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước và người dân trong phát triển kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên trân trọng báo cáo.
